

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2008

Số : 288/BCKT-2007

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

các báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC) đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT (dưới đây gọi tắt là "Công ty").

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các khoản ước tính kế toán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo chúng tôi, xét trên phương diện trọng yếu thì các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT, đính kèm theo đây, đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kiểm toán viên

**LÊ NGỌC HẢI**

Chứng chỉ KTV số 0179 /KTV

Tổng Giám đốc



**VU THỊ THỌ**

Chứng chỉ KTV số Đ.0065/KTV

020498.  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
TP. HỒ CHÍ MINH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số B 01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>169.774.674.740</b>	<b>91.832.367.324</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1	<b>56.882.030.073</b>	<b>23.342.534.107</b>
1. Tiền	111		56.882.030.073	23.342.534.107
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		<b>123.793.600</b>	<b>453.793.600</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	123.793.600	453.793.600
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	5.3	<b>93.598.562.539</b>	<b>53.337.665.661</b>
1. Phải thu khách hàng	131		89.941.200.052	50.842.192.260
2. Trả trước cho người bán	132		3.657.362.487	2.393.367.574
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	150.000.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(47.894.173)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.4	<b>11.759.456.023</b>	<b>11.189.837.102</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.759.456.023	11.189.837.102
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	5.5	<b>7.410.832.505</b>	<b>3.508.536.854</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.562.680.026	2.260.439.830
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.222.761.508	292.194.653
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	75.056.187
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		625.390.971	880.846.184

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số B 01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>59.078.497.419</b>	<b>11.495.099.889</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		<b>51.983.258.766</b>	<b>7.946.436.985</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	5.474.376.487	7.085.710.417
- Nguyên giá	222		13.573.451.906	12.548.389.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.099.075.419)	(5.462.679.421)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	46.138.011.188	860.726.568
- Nguyên giá	228		46.734.839.775	1.210.435.675
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(596.828.587)	(349.709.107)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		370.871.091	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		<b>1.175.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	1.175.000.000	30.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		<b>5.920.238.653</b>	<b>3.518.662.904</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	4.778.688.143	2.413.835.152
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.10	1.141.550.510	1.104.827.752
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>228.853.172.159</b>	<b>103.327.467.213</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số B 01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>187.746.156.010</b>	<b>79.982.816.945</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>147.901.636.010</b>	<b>79.751.166.945</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	91.539.288.187	38.951.892.676
2. Phải trả cho người bán	312	5.12	40.314.681.573	30.398.408.098
3. Người mua trả tiền trước	313		5.660.062.431	7.472.289.360
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.13	7.007.430.693	1.727.390.652
5. Phải trả công nhân viên	315		1.604.284.800	200.000
6. Chi phí phải trả	316		1.420.267.104	338.549.237
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.14	355.621.222	862.436.922
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>39.844.520.000</b>	<b>231.650.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		6.650.000	6.650.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	39.837.870.000	225.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.107.016.149</b>	<b>23.344.650.268</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>40.871.691.817</b>	<b>23.102.406.956</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		139.500.000	1.199.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(730.500.000)	(208.800.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		342.240.000	342.240.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		89.538.370	(64.610.870)
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.030.913.447	1.834.577.826
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>235.324.332</b>	<b>242.243.312</b>
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		235.324.332	242.243.312
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>228.853.172.159</b>	<b>103.327.467.213</b>

K.Đ.Á. T. H. M.  
TRẠC  
KIỂM  
TÀI CH  
V. J. TP.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	<i>Thuyết minh</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		47.894.173	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		3.056,41	12.397,58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

Ngày 03/04/2008 tháng 4 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ VI ĐỒNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC - HPT**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mẫu số B 03-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		6.977.478.975	2.531.942.605
2 Điều chỉnh cho các khoản	02			
- khấu hao tài sản cố định	03		3.591.478.644	2.857.969.877
- các khoản dự phòng	04			
- Lãi lỗ tỷ giá chưa thực hiện	05			
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	06		(384.802.175)	(105.600.124)
- Chi phí đi vay	07		6.405.269.869	2.799.205.223
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		<b>16.589.425.313</b>	<b>8.083.517.581</b>
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(40.940.872.782)	(9.542.130.411)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(569.618.921)	3.159.636.508
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		14.377.461.706	18.592.443.810
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(3.316.920.187)	(3.317.004.938)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.787.301.369)	(2.791.712.183)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(693.026.079)	(1.128.472.571)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			1.450.325.866
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6.918.976)	(25.043.171)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(23.347.771.295)</b>	<b>14.481.560.491</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(47.677.278.964)	(4.340.093.211)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		17.845.652	18.731.428
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.400.000)	(550.793.600)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		341.400.000	77.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.145.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		415.935.062	86.868.696
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(48.058.498.250)</b>	<b>(4.708.286.687)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		13.417.200.000	5.641.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(671.700.000)	(4.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		313.537.091.664	114.103.928.558
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(221.336.826.153)	(119.828.212.634)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(1.624.252.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>104.945.765.511</b>	<b>(1.711.536.076)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ</b>	<b>50</b>		<b>33.539.495.966</b>	<b>8.061.737.728</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ</b>	<b>60</b>		<b>23.342.534.107</b>	<b>15.280.796.380</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ</b>	<b>70</b>	(5.1)	<b>56.882.030.073</b>	<b>23.342.534.108</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI



Ngày 10 tháng 4 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ VI ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập dựa trên sự chuyển đổi hình thức từ công ty TNHH thành công ty cổ phần. Công ty có tên viết tắt là HPT VIETNAM CORPORATION.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002304 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 11 tháng 5 năm 2004 và đã đăng ký thay đổi như sau :

Lần	Ngày	Nội dung thay đổi chủ yếu
2	18/10/2005	Tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên thành 15 tỷ đồng.
3	09/08/2006	Tăng vốn điều lệ lên thành 20 tỷ đồng và bổ sung ngành nghề hoạt động.
4	29/03/2007	Tăng vốn điều lệ lên thành 36 tỷ đồng.
5	01/06/2007	Bổ sung địa điểm nhà kho.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 36.000.000.000 (Ba mươi sáu tỷ) VND và được chia thành 3.600.000 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là :

- Mua bán, dịch vụ sửa chữa các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng,
- Mua bán phần mềm máy tính, các thiết bị và linh kiện trong ngành công nghệ thông tin, máy vẽ, thiết bị phục vụ thiết kế, vật tư ngành in,
- Đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa,
- Tư vấn, thiết kế hệ thống máy tính,
- Thi công lắp đặt và chuyển giao công nghệ hệ thống mạng máy tính,
- Cung cấp các phần mềm ứng dụng và sản xuất phần mềm,
- Đào tạo và chuyển giao công nghệ.
- Cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng viễn thông.

Văn phòng Công ty được đặt tại số 60 đường Nguyễn văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có các chi nhánh như sau :

- Trung tâm HPT tích hợp hệ thống : số 62 đường Nguyễn văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT : số 133 Bùi thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Trung tâm Phát Triển Phần Mềm HPT (HPT Soft) : Lầu 9, tòa nhà Vitek, 63 Võ văn Tần, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Bảo Hành HPT : số 62 đường Nguyễn văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, tổng số nhân viên của Công ty là 344 người.

## 2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng một cách nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

#### **3.2 Tuân thủ hệ thống kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam**

Ban Giám đốc đã được biết rằng cho đến ngày lập báo cáo tài chính đã có hai mươi sáu (26) chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn hệ thống kế toán Việt Nam, các chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập các báo cáo tài chính.

#### **3.3 Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng : Nhật ký chứng từ.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với đồng Việt Nam (VND) được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Lãi (lỗ) do chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ trên được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Cuối kỳ các tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

#### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập theo quy định tại thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2006 của Bộ Tài chính.

0498.  
NG 1  
HIỆM H  
ÁN VÀ  
NH KẾ  
HỒ C  
NH



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

#### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho ghi nhận hàng hóa mua về để bán (bao gồm các thiết bị vi tính và các chứng nhận bản quyền (licence) các phần mềm) và các dịch vụ kỹ thuật mua về phục vụ cho việc lắp đặt, hiệu chỉnh các thiết bị cung cấp cho khách hàng.

Hàng tồn kho thể hiện theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá hàng tồn kho và hàng lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan đến mua hàng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Các thiết bị đã xuất kho để lắp đặt và giao cho khách hàng và các dịch vụ kỹ thuật đã thực hiện nhưng chưa được khách hàng nghiệm thu vẫn còn được ghi nhận trong khoản mục hàng hóa tồn kho.

#### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng phù hợp với quy định của quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau :

Máy móc thiết bị	5 – 10	năm
Phương tiện vận tải	6	năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5	năm

#### **4.6 Tài sản cố định vô hình**

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất tại số 205A đường Hoàng Văn Thụ, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh được ghi nhận theo giá gốc là toàn bộ chi phí mà Công ty chi trả để có được quyền sử dụng đất và mảnh đất này được dùng để xây dựng văn phòng Công ty. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất được cấp cho thời hạn không xác định, do đó được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

##### ***Phần mềm kế toán***

Phần mềm máy tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**4.7 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

**4.8 Vốn chủ sở hữu**

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Đây là vốn góp từ việc phát hành cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng /(giảm) do phát hành cổ phiếu cao /(thấp) hơn mệnh giá và chênh lệch tăng giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

*Cổ phiếu ngân quỹ*

Khi Công ty mua lại cổ phiếu của chính Công ty, số tiền thực trả bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua lại được ghi nhận âm (giảm) vào vốn chủ sở hữu dưới dạng là cổ phiếu ngân quỹ cho đến khi chúng được hủy. Nếu cổ phiếu ngân quỹ sau đó được bán đi hoặc tái phát hành thì số tiền thu được sẽ ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu.

**4.9 Doanh thu**

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua, dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**4.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**4.11 Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế**

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế dựa trên lương cơ bản như sau :

- Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 15% và trừ lương nhân viên là 5%.
- Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 2% và trừ lương nhân viên là 1%.

**4.12 Số liệu so sánh**

Một vài số liệu được sắp xếp, điều chỉnh lại cho phù hợp với việc trình bày số liệu báo cáo của năm hiện hành.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2007	01/01/2007
Tiền mặt	2.066.932.380	3.725.226.293
Tiền gửi ngân hàng - VND	54.770.331.169	19.422.885.333
Tiền gửi ngân hàng - USD	44.766.524	194.422.481
<b>Cộng</b>	<b><u>56.882.030.073</u></b>	<b><u>23.342.534.107</u></b>

**5.2 Các khoản đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2007	01/01/2007
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	123.793.600	453.793.600

**5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn**

	31/12/2007	01/01/2007
Phải thu khách hàng	89.941.200.052	50.842.192.260
Trả trước người bán	3.657.362.487	2.393.367.574
Phải thu khác	-	150.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(47.894.173)
<b>Cộng</b>	<b><u>93.598.562.539</u></b>	<b><u>53.337.665.661</u></b>

(\*) trong đó phải thu chủ yếu từ các khách hàng sau :

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	23.045.109.619
Tổng Cục Thuế - Bộ Tài Chính	11.968.136.795
Công ty Thông tin Di động	8.298.750.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á	6.577.317.480
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	3.046.650.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam	9.330.533.907
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	3.330.478.978

**5.4 Hàng tồn kho**

	31/12/2007	01/01/2007
Hàng tồn kho	11.759.456.023 (*)	11.189.837.102

(\*) trong đó bao gồm :

Thiết bị (hàng hóa)	9.988.195.082
Các chi phí trực tiếp phát sinh có liên quan đến quá trình lắp đặt hay dịch vụ đang cung cấp dở dang	1.771.260.941
	<b><u>11.759.456.023</u></b>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.562.680.026	2.260.439.830
- Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	1.819.664.000 (*)	111.043.833
- CP nhân viên bộ phận H-Soft chờ kết chuyển	3.332.445.097	1.287.339.261
- Các chi phí chờ kết chuyển khác	410.570.929	862.056.736
Thuế GTGT được khấu trừ	1.222.761.508	292.194.653
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	75.056.187
Tài sản ngắn hạn khác	625.390.971	880.846.184
- Tạm ứng	505.164.358	316.038.352
- Ký quỹ ngắn hạn	120.226.613	564.807.832
<b>Cộng</b>	<b>7.410.832.505</b>	<b>3.508.536.854</b>

(\*) : trong đó bao gồm 1.731.059.000 là tiền thuê văn phòng tại Hà Nội (số 195, tổ 47, phường Kim Liên, quận Đống Đa) được trả trước 18 tháng.

**5.6 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
Chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học kỹ thuật	681.224.376	543.229.657
Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	506.777.882	533.151.456
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ kết chuyển	1.240.512.885	1.337.454.039
Chi phí lãi vay/mua đất xây dựng văn phòng	2.350.173.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.778.688.143</b>	<b>2.413.835.152</b>

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>				
Số dư đầu năm	11.062.956.930	1.344.995.779	140.437.129	<b>12.548.389.838</b>
Mua trong năm	1.257.486.440	425.972.742	98.544.591	1.782.003.773
Thanh lý	(728.295.887)	-	(28.645.818)	(756.941.705)
Số dư cuối năm	11.592.147.483	1.770.968.521	210.335.902	<b>13.573.451.906</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư đầu năm	5.117.944.648	251.034.333	93.700.440	<b>5.462.679.421</b>
Khấu hao trong năm	3.032.039.697	271.496.267	40.823.200	3.344.359.164
Thanh lý	(679.458.511)	-	(28.504.655)	(707.963.166)
Số dư cuối năm	7.470.525.834	522.530.600	106.018.985	<b>8.099.075.419</b>
<i>Giá trị còn lại</i>				
Vào ngày 01/01/2007	5.945.012.282	1.093.961.446	46.736.689	<b>7.085.710.417</b>
Vào ngày 31/12/2007	4.121.621.649	1.248.437.921	104.316.917	<b>5.474.376.487</b>

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.835.777.209 VND.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, giá trị còn lại của tài sản cố định - phương tiện vận tải dùng thế chấp để đảm bảo khoản vay dài hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam- chi nhánh Sài Gòn ("VIB") là 971.406.888 VND.

20498  
 CÔNG  
 NIỆM H  
 TOÁN VÀ  
 TÍNH KẾ  
 HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả (tiếp theo)**

- (a) Đây là số dư các khoản vay tại Ngân hàng VIB theo hợp đồng tín dụng số 050/HĐTD2-VIB625/07 ngày 30 tháng 5 năm 2007, với hạn mức tín dụng 50.000.000.000 VND hoặc USD tương đương, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 30 tháng 5 năm 2007 đến 30 tháng 5 năm 2008, lãi suất vay VND bằng lãi suất tiết kiệm 6 tháng + 0,27%/ tháng, lãi suất vay USD bằng lãi suất Sibor 6 tháng + 2%/ năm. Các khoản vay này một phần được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là bất động sản của cá nhân ông Ngô Vi Đồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.
- (b) Đây là số dư các khoản vay tại Ngân hàng BIDV theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 107/2007/999250 ngày 08 tháng 11 năm 2007, với hạn mức tín dụng 80.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ qui đổi tương đương, thời hạn vay là 1 năm, lãi suất vay qui định theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể (khoảng 7,5%/năm đối với vay USD và 10,06%/năm đối với vay VND).
- (c) Vay các cá nhân lãi suất vay USD là 6%/năm và vay VND là 12%/năm với thời hạn vay thường là 12 tháng và lãi vay được trả vào cuối kỳ.

(\*\*) Xem tại mục 5.15 dưới đây.

**5.12 Phải trả người bán**

	<b>31/12/2007</b>		<b>01/01/2007</b>
Phải trả người bán	40.314.681.573	(*)	30.398.408.098

(\*) trong đó chủ yếu phải trả các nhà cung cấp sau :

Công Ty TNHH Phần Mềm Đông Nam Á	9.317.071.974
Cty TNHH Bảo Vệ Mạng Vi Tính Sao Mộc	8.314.970.754
CN Công ty TNHH Phân Phối FPT	4.168.304.656
Công ty Cổ Phần Tích Hợp Hệ Thống CMC	2.774.562.586
Công ty TNHH Hệ Thống Thông Tin FPT	1.640.327.298

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.976.792.558	1.292.377.645
Thuế xuất, nhập khẩu	1.523.750.928	304.735.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.185.611.848	-
Các loại thuế khác	321.275.359	130.277.798
<b>Cộng</b>	<b>7.007.430.693</b>	<b>1.727.390.652</b>

**5.14 Các khoản phải trả khác**

	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
Bảo hiểm xã hội	-	48.000
Phải trả lãi vay	305.462.300	337.320.800
Các khoản phải nộp, phải trả khác	50.158.922	525.068.122
<b>Cộng</b>	<b>355.621.222</b>	<b>862.436.922</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5.16 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	15.000.000.000	558.000.000	(205.000.000)	243.740.000	32.490.000	1.966.480.585	17.595.710.585
Tăng vốn trong năm trước	4.442.000.000	1.199.000.000	-	-	-	-	5.641.000.000
Kết chuyển tăng vốn	558.000.000	(558.000.000)	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.822.998.676	1.822.998.676
Trích quỹ	-	-	-	98.500.000	138.000.000	(98.500.000)	138.000.000
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	-	(236.600.000)	(236.600.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.624.252.000)	(1.624.252.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(4.000.000)	-	-	-	(4.000.000)
Tặng/(Giảm) khác	-	-	200.000	-	(235.100.870)	4.450.565	(230.450.305)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>1.199.000.000</b>	<b>(208.800.000)</b>	<b>342.240.000</b>	<b>(64.610.870)</b>	<b>1.834.577.826</b>	<b>23.102.406.956</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>1.199.000.000</b>	<b>(208.800.000)</b>	<b>342.240.000</b>	<b>(64.610.870)</b>	<b>1.834.577.826</b>	<b>23.102.406.956</b>
Tăng vốn trong năm nay	10.000.000.000	3.267.200.000	-	-	-	-	13.267.200.000
Kết chuyển tăng vốn	4.326.700.000	(4.326.700.000)	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	5.023.784.862	5.023.784.862
Trích quỹ	-	-	-	-	154.149.240	(154.149.240)	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	1.673.300.000	-	-	-	-	(1.673.300.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(671.700.000)	-	-	-	(671.700.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	150.000.000	-	-	-	150.000.000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>139.500.000</b>	<b>(730.500.000)</b>	<b>342.240.000</b>	<b>89.538.370</b>	<b>5.030.913.447</b>	<b>40.871.691.817</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tiếp theo)**

b) *Cổ tức* : công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm với tỷ lệ 12% (trên cổ phiếu phổ thông), trong đó chi bằng tiền mặt là 5% và chi bằng cổ phiếu thưởng là 7%.

c) *Cổ phiếu*

	31/12/2007	01/01/2007
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.600.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	55.660	20.880
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.544.340	1.979.120
- Cổ phiếu phổ thông	3.544.340	1.979.120
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng	10.000 đồng

d) *Các quỹ của doanh nghiệp*

Theo điều lệ, Hội đồng quản trị quyết định trích từ nguồn lợi nhuận để lập quỹ dự trữ và các quỹ khác mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp. Theo đó, quỹ dự phòng tài chính được trích tối thiểu 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ Công ty, quỹ đầu tư phát triển là 15%, quỹ khen thưởng, phúc lợi là 10%.

Năm 2007, Công ty chi trích quỹ dự phòng tài chính số tiền 154.149.240 từ lợi nhuận thực hiện năm 2006.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp thiết bị, linh kiện	419.378.098.199	247.118.550.203
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.007.612.922	-
<b>Cộng</b>	<b>427.385.711.121</b>	<b>247.118.550.203</b>
Trừ : Hàng bán bị trả lại	(14.862.901.367)	(827.547.994)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>412.522.809.754</b>	<b>246.291.002.209</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	362.539.838.240	-
Giá vốn khác	50.395.135	-
<b>Cộng</b>	<b>362.590.233.375</b>	<b>212.768.007.287</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	153.658.156	86.868.696
Cổ tức từ hoạt động đầu tư	4.026.906	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	896.652.890	135.537.349
Doanh thu tài chính khác	258.250.069	3.112.117
<b>Cộng</b>	<b>1.312.588.021</b>	<b>225.518.162</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.405.269.869	2.799.205.223
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.106.987.222	475.631.760
Chi phí tài chính khác	1.607.270	1.555.250
<b>Cộng</b>	<b>7.513.864.361</b>	<b>3.276.392.233</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	15.625.009.233	14.112.032.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.343.892.901	1.910.573.927
Chi phí thuê văn phòng, mặt bằng	3.724.446.000	3.150.331.006
Chi phí điện thoại	1.155.753.641	1.134.452.538
Các chi phí khác	4.329.500.470	1.885.621.461
<b>Cộng</b>	<b>27.178.602.245</b>	<b>22.193.011.689</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.705.590.078	2.290.484.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.247.585.743	947.395.950
Chi phí điện nước	962.985.506	854.346.789
Phí ngân hàng	1.106.295.334	605.149.930
Các chi phí khác	3.117.579.476	2.751.553.226
<b>Cộng</b>	<b>11.140.036.137</b>	<b>7.448.930.396</b>

**6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.023.784.862	1.822.998.676
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.023.784.862	1.822.998.676
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.170.603	1.860.530
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1.584	980

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI



Ngày 10 tháng 4 năm 2008

Tổng giám đốc

NGÔ VI ĐỒNG